

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NA RÌ  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2017/HNGĐ-ST.  
Ngày: 02-8-2017  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con  
chung, nghĩa vụ trả nợ chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA RÌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Thanh Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Tháo

2. Bà Lương Thị Kim Khanh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tạ Huyền Trang; Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa (thuộc trường hợp Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa)**

Ngày 02 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2017/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1974, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị Nông Thị X, sinh năm 1975, (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn Bản P, xã Cự L, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Giá Mã T - Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N (theo quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016 của Tổng giám đốc NHCSXH về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án và quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và

thi hành án số 113/QĐ-NHCS ngày 23/6/2017 của Giám đốc phòng giao dịch huyện N), (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 6 năm 2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn (anh Hoàng Văn L) trình bày:

Về hôn nhân: Anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị X chung sống tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1998 nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị X.

Về con chung: Quá trình sinh sống vợ chồng có 01 con chung là: Hoàng Ngọc V, sinh ngày 09/01/2000. Anh L có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu chị X cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 10.000.000,đ (mười triệu đồng). Ly hôn anh L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi phát sinh cho Ngân hàng theo hợp đồng vay vốn đã ký.

Tại bản tự khai ngày 19/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án chị X nhất trí với lời trình bày của anh L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và vay nợ chung. Quan điểm của chị X về các vấn đề trong vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị X và anh L.

- Về con chung: Nhất trí để anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị X không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 10.000.000,đ (mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N.

Tại bản tự khai ngày 23/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội huyện N xác nhận gia đình anh chị Hoàng Văn L, Nông Thị X được tổ tiết kiệm và vay vốn thôn Bản P, xã C và Ngân hàng chính sách xã hội xét cho vay chương trình cho vay hộ cận nghèo với số tiền 30.000.000,đ (ba mươi triệu đồng). Hiện nay số nợ gốc còn lại là 10.000.000,đ (mười triệu đồng). Đại diện Ngân hàng nhất trí với thỏa thuận của anh L, chị X là: Anh Hoàng Văn L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 10.000.000,đ (mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện N.

Ngày 04/7/2017 Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận được với nhau về việc nuôi con chung, tài sản chung và nợ chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về nuôi con chung, nghĩa vụ trả nợ chung của người sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn chị Nông Thị X có đơn đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt, tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị X tự nguyện tìm hiểu, chung sống và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương từ năm 1998 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến đầu năm 2016 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, hay xảy ra mâu thuẫn với nhau, tình cảm vợ chồng không còn nên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh L yêu cầu Tòa án tiến hành thủ tục không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị X. Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy mặc dù anh L, chị X tự nguyện chung sống và có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Tuy nhiên anh L và chị X chung sống với nhau mà không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình. Như vậy, cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị X.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Ngọc V, sinh ngày 09/01/2000. Anh L, chị X thỏa thuận anh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh L không đặt vấn đề cấp dưỡng tiền nuôi con chung đối với chị X. HĐXX nhận thấy việc thỏa thuận về nuôi con chung phù hợp với các quy định tại Điều 15, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh L, chị X xác nhận vợ chồng có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện N số tiền 30.000.000,đ; số tiền còn nợ lại là 10.000.000,đ. Tại phiên hòa giải anh L, chị X thỏa thuận anh L chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 10.000.000,đ và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn. Đại diện Ngân hàng chính sách xã hội nhất trí với thỏa thuận của các đương sự. Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 16 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy được chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh Hoàng Văn L phải chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14; 15; 16; 53; 58; 60; khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Hoàng Văn L và chị Nông Thị X.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về các vấn đề sau:

2.1. Về con chung: Anh Hoàng Văn L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Hoàng Ngọc V, sinh ngày 09/01/2000. Chị X không phải đóng góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Nông Thị X có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Anh Hoàng Văn L có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc 10.000.000,đ (mười triệu đồng) và lãi phát sinh theo hợp đồng vay vốn đã ký cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam (thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N).

3. Về án phí: Áp dụng Điều 147 BLTTDS; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Hoàng Văn L phải chịu 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được trừ vào 300.000,đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 01108 ngày 16/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Na Rì.

*" Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh(01b);
- VKSND huyện(02b);
- Các đương sự;
- UBND xã C
- THAdân sự(01b);)
- Lưu TA(01b);

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Võ Thanh Bình**